TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 tháng 4 năm 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Thái Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn*: Anh Dư Công Đ, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Khóm H, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị L có mặt tại phiên tòa; Anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Chị L và anh Dư Công Đ tự tìm hiểu được gia đình đồng ý tiến tới hôn nhân không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ có thói quen cờ bạc, ghen tuông

vô cớ và bạo lực gia đình, thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà không chịu đi làm, có lần anh Đ ghen tuông mua xăng đổ vào người chị L định đốt nhưng may mắn có hàng xóm ngăn cản, vì thương con còn nhỏ nên chị L bỏ qua tất cả nhưng anh Đ tính nào tật nấy không chịu sửa đổi nên đã không còn chung sống nhau hơn 02 năm nay. Trước đây, chị L có từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng được Toà án động viên và vì thương các con nên chị L đã rút đơn khởi kiện cho anh Đ thêm cơ hội sửa chữa nhưng anh Đ không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Dư Công Đ.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 04 con chung tên Dư Công T, sinh ngày 28/9/2015; Dư Công T4, sinh ngày 30/12/2009; Dư Quế T2, sinh ngày 08/01/2008 và Dư Nguyễn Quế T3, sinh ngày 01/9/2005. Hiện các con chung đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 902/TB-TLVA ngày 23/11/2022 cho anh Dư Công Đ thông qua người thân là bà Trần Thị T (mẹ ruột anh Đ) nhận thay và bà T xác nhận có thông tin cho anh Đ biết về việc chị Nguyễn Thị Bích L khởi kiện ly hôn với anh Đ tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu của chị L và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh Đ gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 02/3/2023, Tòa án ban hành Thông báo số 14/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Dư Công Đ được biết thông qua việc tống đạt cho người thân nhận thay (bà Trần Thị T là mẹ ruột của anh Dư Công Đ) nhưng anh Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của anh Đ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt, chị L cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Hội đồng xét xử công bố thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của anh Dư Công Đ; Biên bản không lấy được lời khai của anh Dư Công Đ; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của bà Trần Thị T (mẹ ruột của anh Dư Công Đ); Đơn trình bày nguyện vọng của con chung tên Dư Quế T2, Dư Công T4, Dư Công T và Dư Nguyễn Quế T3. Cụ thể:

- Qua thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của anh Dư Công Đ được biết: Anh Dư Công Đ, sinh năm 1979 có nơi cư trú: Khóm H, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Khóm H, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Theo các đơn trình bày nguyện vọng của con chung tên Dư Quế T2, Dư Công T4, Dư Công T và Dư Nguyễn Quế T3 có xác nhận của UBND xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam ngày 15/12/2022 được biết: Các cháu Dư Quế T2, Dư Công T4, Dư Công T và Dư Nguyễn Quế T3 trình bày hiện tại các cháu đang sống với mẹ (chị L), khi cha mẹ ly hôn các cháu T1, T2, T3, T4 có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Bích L.

- Ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành lập biên bản không lấy được lời khai của anh Dư Công Đ có sự chứng kiến của bà Trần Thị T (mẹ ruột anh Đ) và Ban khóm H, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành xác minh bà Trần Thị T (mẹ ruột anh Đ) được biết: Bà T có nhận được các thông báo, giấy báo của Toà án gửi cho anh Dư Công Đ và có thông tin đến anh Dư Công Đ biết việc chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ. Chị L và anh Đ tự nguyện yêu thương nhau rồi đi đăng ký kết hôn, không có tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn vợ chồng L-Đ đi làm ăn xa tại Quảng Nam, chỉ khi nghỉ lễ thì anh Đ có về thăm nhà rồi lại đi. Chị L đã từng khởi kiện ly hôn với anh Đ nhưng mâu thuẫn giữa L-Đ thế nào thì bà T không biết. Giữa Liên và Đức có 04 (bốn) con chung tên Dư Công T, Dư Công T4, Dư Quế T2 và Dư Nguyễn Quế T3. Hiện nay các cháu đang sống với chị L do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Giữa chị L và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2010, quyển số 01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc tại thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ có thói quen cờ bạc, ghen tuông vô cớ và bạo lực gia đình, thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà không chịu đi làm, chị L và anh Đ không chung sống với nhau hơn 02 năm nay. Chị L có từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng được Toà án động viên và vì thương các con nên chị L đã rút đơn khởi kiện cho anh Đ thêm cơ hội sửa chữa nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Dư Công Đ là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 04 con chung tên Dư Công T, sinh ngày 28/9/2015; Dư Công T4, sinh ngày 30/12/2009; Dư Quế T2, sinh ngày 08/01/2008 và Dư Nguyễn Quế T3, sinh ngày 01/9/2005. Hiện các con chung đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị L và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn anh Dư Công Đ.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Bích L được nuôi dạy các cháu Dư Công T, Dư Công T4, Dư Quế T2, và Dư Nguyễn Quế T3 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Dư Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dư Công Đ. Anh Đ có nơi cư trú: Khóm H, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Dư Công Đ được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh Đ tự tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2010, quyển số 01/2010. Hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị L khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ có thói quen cờ bạc, ghen tuông vô cớ và bạo lực gia đình, thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà không chịu đi làm. Chị L có từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng được Toà án động viên và vì thương các con nên chị L đã rút đơn khởi kiện cho anh Đ thêm cơ hội sửa chữa nhưng không thành và nay chị L có yêu cầu ly hôn với anh Đ, chị L và anh Đ đã không chung sống với nhau hơn 02 năm nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Dư Công Đ.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị L và anh Đ hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh Đ vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh Đ chưa thật sự hàn gắn tình cảm với chị L.

Tình trạng vợ chồng chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị L ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có 04 con chung tên Dư Công T, sinh ngày 28/9/2015; Dư Công T4, sinh ngày 30/12/2009; Dư Quế T2, sinh ngày 08/01/2008 và Dư Nguyễn Quế T3, sinh ngày 01/9/2005. Hiện các con chung đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo Đơn trình bày nguyện vọng của các con chung tên Dư Quế T2, Dư Công T4, Dư Công T và Dư Nguyễn Quế T3 trình bày hiện tại các cháu đang sống với mẹ (chị L), khi cha mẹ ly hôn các cháu T1, T2, T3, T4 có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Bích L.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) Trần Thị T (mẹ ruột anh Đ) trình bày: Giữa Liên và Đức có 04 (bốn) con chung tên Dư Công T1, Dư Công T4, Dư Quế T2 và Dư Nguyễn Quế T3. Hiện nay các cháu đang sống với chị L do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay.

Xét, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Dư Công T1, sinh ngày 28/9/2015; Dư Công T4, sinh ngày 30/12/2009; Dư Quế T2, sinh ngày 08/01/2008 và Dư Nguyễn Quế T3, sinh ngày 01/9/2005 là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Bích L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được

cản trở anh Dư Công Đức trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này giữa chị L và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Dư Công Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L.

Chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Dư Công Đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71/2010, quyển số 01/2010 do Uỷ ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Bích L và anh Dư Công Đ không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Bích L được nuôi dưỡng các con chung tên Dư Công T1, sinh ngày 28/9/2015; Dư Công T4, sinh ngày 30/12/2009; Dư Quế T2, sinh ngày 08/01/2008 và Dư Nguyễn Quế T3, sinh ngày 01/9/2005 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Dư Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Bích L cùng các thành viên gia đình (nếu có) được cản trở anh Dư Công Đ không trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0007244 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Số còn lại *300.000 (ba trăm nghìn) đồng*, chị Nguyễn Thị Bích L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Dư Công Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Đ là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- UBND phường S, thị xã T, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm